

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT Năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Mầm non 20/10 xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công khai tại cơ sở giáo dục, năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

I. Mục đích thực hiện công khai:

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và đào tạo trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

II. Nguyên tắc thực hiện công khai:

1. Việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục và đào tạo phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.
2. Thông tin được công khai tại các cơ sở giáo dục và đào tạo và trên các trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế này phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

III. Nội dung công khai:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:
 - a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết

quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Đối với các cơ sở giáo dục công lập: công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có

nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập: công khai tình hình hoạt động tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao môi trường. Công khai mức thu học phí, các khoản thu khác theo từng năm, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ sở giáo dục, các khoản thu từ viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

IV. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Quy chế này:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b) Niêm yết công khai tại bảng thông báo đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 6 và điểm b khoản 4 Điều 7 của Quy chế này, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại điểm a và b khoản 1 của Điều này, cơ sở giáo dục và đào tạo còn phải thực hiện công khai như sau:

Niêm yết công khai tại bảng thông báo nhà trường và phổ biến trong cuộc họp cha mẹ HS đầu năm.

V. Tổ chức thực hiện:

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo; tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy chế. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và cơ quan chủ quản (nếu có) trước 30 tháng 9 hằng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục và đào tạo.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (B/c)
- Các thành viên BCD (T/h)
- Lưu VP



Hiệu trưởng
Huỳnh Hồng Trang

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công khai trong nhà trường theo

Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 20/10

Căn cứ Điều lệ trường mầm non Ban hành kèm theo Quyết định số 34/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường năm học 2023-2024 theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT gồm các ông (bà) có tên sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Huỳnh Hồng Trang	Hiệu trưởng - Phụ trách trường	Trưởng ban
2	Trần Thị Thu Thúy	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Phó trưởng ban
3	Tạ Kim Ngân	Chủ tịch CDCS	Thành viên
4	Lê Thị Kim Phượng	Tổ phó tổ chuyên môn	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thủy	Tổ trưởng tổ văn phòng – văn thư-thủ quỹ	Thành viên

Điều 2: Ban Chỉ đạo thực hiện công khai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ, chính xác các nội dung và tiến hành công khai theo đúng quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT.

Nhiệm vụ của các thành viên do Trưởng ban phân công.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

- Như điều 1 (T/h)
- Lưu VP



PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
Các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện công khai
trong nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
(Kèm theo Quyết định số: 77/QĐ-MN20/10, ngày 05/9/2023)

Căn cứ Quyết định số: 77/QĐ-MN 20/10, ngày 05/9/2023 của Hiệu trưởng trường Mầm non 20/10 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công khai trong nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT; nay Hiệu trưởng trường phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo như sau:

1. Bà Huỳnh Hồng Trang – Hiệu trưởng – Trưởng ban phụ trách chung. Phụ trách chính nội dung 2 công khai điều kiện đảm bảo chất lượng CSGD.
2. Bà Trần Thị Thu Thủy – Tổ trưởng tổ chuyên môn- Phó ban. Phụ trách chính việc giám sát thực hiện kế hoạch, Quy chế công khai trong nhà trường theo quy định.
3. Bà Lê Thị Thảo Nhiên – CT CDCS – Thành viên. Phụ trách chính nội dung 1 công khai cam kết chất lượng giáo dục và giáo dục thực tế.
4. Bà Nguyễn Thị Thủy – Tổ trưởng tổ VP –Văn thư - Thư ký - Thành viên tổng hợp các biểu mẫu công khai. Phụ trách chính việc niêm yết công khai theo quy định; Phụ trách chính nội dung 3 công khai thu, chi tài chính.
5. Bà Lê Thị Kim Phụng – Tổ phó tổ chuyên môn - Thành viên. Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho CMHS và các thành viên thuộc lớp mẫu giáo.
6. Ông Nguyễn Tấn Hùng - Trưởng ban Đại diện CMHS - Thành viên phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho Cha mẹ học sinh trong toàn trường.

Yêu cầu các thành viên trong Ban Chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công; chủ động liên hệ, trao đổi giữa các thành viên trong Ban Chỉ đạo, xin ý kiến của đồng chí Trưởng ban để thống nhất nội dung công việc nhằm thực hiện tốt Quy chế công khai trong nhà trường đúng quy định./.

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

Nơi nhận:

- Các thành viên BCD (t/h)
- Lưu VP



Huỳnh Hồng Trang

Số: 75/TB-MN-20/10

Bình Tân, ngày 05 tháng 9 năm 2023

Biểu mẫu 1

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023 - 2024

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt tại trường mầm non. - Biết đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ phát triển. - 100% trẻ suy dinh dưỡng - dư cân - béo phì được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ. Có chế độ ăn bổ sung cho trẻ suy dinh dưỡng, tăng cường rau cho trẻ béo phì. - 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/năm. - Đạt mục tiêu phát triển: 96 - 97%. + Thể chất : Mức độ đạt 97 % + Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt 95 % + Nhận thức: Mức độ đạt 95% + Ngôn ngữ: Mức độ đạt 94 %	- Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn và thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe, thực hiện đúng thao tác vệ sinh. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ phát triển. - 100% trẻ suy dinh dưỡng - dư cân - béo phì được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ. Có chế độ ăn bổ sung cho trẻ suy dinh dưỡng, tăng cường rau cho trẻ béo phì. - 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/năm. - Đạt mục tiêu phát triển: 98- 99% + Thể chất : Mức độ đạt 99 % + Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt 98 % + Nhận thức: Mức độ đạt 99 % + Ngôn ngữ: Mức độ đạt 98 % + Thẩm mỹ: Mức độ đạt 98%
II	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện Chương trình GDMN do Bộ GD-ĐT ban hành.(Theo thông tư 28 của Bộ GD-ĐT). - Phát triển thể chất. - Phát triển nhận thức.	Thực hiện Chương trình GDMN do Bộ GD-ĐT ban hành.(Theo thông tư 28 của Bộ GD-ĐT). - Phát triển thể chất. - Phát triển nhận thức.

		- Phát triển ngôn ngữ. - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Các nội dung khác: - Nội dung và các chủ điểm giáo dục: Nhà trẻ chỉ dạy theo kỹ năng như: - Kỹ năng nghe - Kỹ năng cầm nắm - Kỹ năng xâu - Kỹ năng vò - Kỹ năng quan sát - Kỹ năng phân biệt kích thước - Kỹ năng phân biệt hình dạng * Hướng ứng các Lễ hội – Các sự kiện phát sinh trong năm.	- Phát triển ngôn ngữ. - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. - Phát triển thẩm mỹ. Các nội dung khác: - Tùy vào điều kiện của lớp có thể lựa chọn các chủ đề giáo dục: - Trường Mầm non - Bản thân.- An toàn - Gia đình - Nghề nghiệp. - Thực vật - Động vật - Phương tiện giao thông - Hiện tượng tự nhiên - Quê hương đất nước - Trường Tiểu học - Tết Trung Thu - Ngày 20/11 - Vui Noel - Mùa xuân - Ngày 8/3 - Giỗ Tổ Hùng Vương Kết quả trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển của năm học trước - Thể chất: Mức độ đạt 98 % - Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt 97 % - Nhận thức: Mức độ đạt 98% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt 97 % - Thẩm mỹ: Mức độ đạt 97 % Các lớp học năng khiếu: Vẽ, nhịp điệu, anh văn bồi dưỡng và phát triển cho trẻ.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Phát triển thể chất: 96% - Phát triển nhận thức: 98% - Phát triển ngôn ngữ: 80% - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 90%	- Phát triển thể chất: 97% - Phát triển nhận thức: 98% - Phát triển ngôn ngữ: 98% - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội: 97% - Phát triển thẩm mỹ: 97%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 1,5 – 1,8 m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. (Theo thông tư 02 và thông tư 34 của Bộ GD-ĐT). + Hệ thống đèn, hệ thống quạt.	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 1,5 – 1,8 m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. (Theo thông tư 02 và thông tư 34 của Bộ GD-ĐT). + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. - Phòng ngủ: đảm bảo 1,2 – 1,5 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các đồ dùng chiếu, nệm,

	- Phòng ngủ: đảm bảo 1,2 -- 1,5 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các đồ dùng chiếu, nệm, gối, mùng, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0,45m² /1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, ghế ngồi bô.	gối, mùng, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0,45 m² /1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, chỗ đi tiểu và bệ xí cho bé trai và bé gái.
--	---	--

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Hồng Trang

THÔNG BÁO

Biểu mẫu 02

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	221						
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	0	0	0	12	49	77	83
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	221	0	0	12	49	77	83
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	221	0	0	12	49	77	83
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	221	0	0	12	49	77	83
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4	0	0	0	0	0	4
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	0	0	0	0	0	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	33	0	0	1	8	5	20

VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	221	0	0	12	49	77	83
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	12	00	00	12	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	209	0	0	0	49	77	83

Bình Tân, ngày 5 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh Hồng Trang

THÔNG BÁO

Biểu mẫu 03

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	7	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	7	1,68
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1224,28	5,3
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	589,14	2,66
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	372,4	1,68
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	0
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	129,86	0,58
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	53,20	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	53,20	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	0	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	79,80	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	7	Số bộ/nhóm (lớp) 1
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	7	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	1	Số bộ/sân chơi (trường)

IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	14	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	8	1
2	Máy photocopy	1	
3	Catsset	7	1
4	Đàn organ	7	1

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10	8		3.6	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Bình Tân, ngày 5 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh Hồng Trang

THÔNG BÁO

Biểu mẫu 04

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

[illegible]

Bình Tân, ngày 05 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh HồngTrang

BIÊN BẢN

**Niên yết 03 công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Thời gian niêm yết:

- Từ ngày: 05/9/2023
- Đến ngày: 05/10/2023

2. Tên loại văn bản được niêm yết:

Công khai chất lượng giáo dục Mầm non thực tế, năm học 2023-2024
(Kèm theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT)

3. Nội dung niêm yết:

- Tổng số trẻ tại trường: 221
- Số trẻ được tổ chức ăn bán trú: 221
- Số trẻ được kiểm tra sức khỏe định kỳ: 221
- Số trẻ được theo dõi biểu đồ tăng trưởng: 221
- Kết quả khám sức khỏe của trẻ: 221
- Số trẻ được học các chương trình chăm sóc, giáo dục: 221

(Đính kèm biểu mẫu số 2)

Người niêm yết



Nguyễn Thị Thủy



HIỆU TRƯỞNG


Huỳnh Hồng Trang